

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2021

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Bảy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXX-ST ngày 27/8/2021, Quyết định hoãn phiên toà số 18/2021/QĐHPT-ST ngày 21/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990

ĐKKHKT: xã K, huyện K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn D**, sinh năm 1984

ĐKKHKT và trú tại: Đội 5, xã K, huyện K, Hải Dương.

(*Chị Hoa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: chị và anh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đăng ký tại UBND xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình vào ngày 16/5/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, do anh D chơi bời, cờ bạc và còn sử dụng ma túy nên nhiều lần vi phạm pháp luật. Từ năm 2014 đến năm 2018 anh D 2 lần đi chấp hành án tại trại giam. Khi anh D chấp hành xong án cải

tạo trở về địa phương anh D không thay đổi mà vẫn thường xuyên chơi bời, đem tài sản của gia đình đi cầm, cầm lấy tiền đánh bạc. Chị và gia đình rất nhiều lần động viên, khuyên bảo anh D nhưng anh D vẫn không thay đổi, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng sâu sắc. Ngày 06/5/2021, vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, chị H xác định không thể tiếp tục chung sống với anh D được nên đã cho con về nhà bố mẹ đẻ ở Ninh Bình ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Nay chị H xác định thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, nếu cứ tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc, do vậy chị xin được ly hôn anh D.

Tại bản tự khai, bên bản lấy lời khai bị đơn anh Đỗ Văn D trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh D xác định đúng như chị H đã khai. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh chơi bời nên nhiều lần vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại trại giam. Ngoài ra, anh vay tiền ở ngoài 10 triệu đồng để lo cho con riêng mà không nói cho chị H biết. Chị H tức giận và tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Ninh Bình ở từ ngày 6/5/2021. Sau khi chị H bỏ đi, anh cũng đã vào Ninh Bình tìm đón chị H về để vợ chồng đoàn tụ, song chị H không về, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Nay anh D xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra nhưng không lớn nên anh không nhất trí ly hôn, còn chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị H và anh D đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 29/3/2012. Nay quan điểm của chị H và anh D đều xin được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh D cùng đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung. Quan điểm của cả chị H và anh D đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh D, xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

xử cho chị H được ly hôn anh D; về con chung: giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 29/3/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn D là Bị đơn cư trú tại huyện Kim Thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn anh Đỗ Văn D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu được đăng ký kết hôn cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H thì thấy: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện từ khi chị H và anh D kết hôn đến năm 2018 anh D ba lần đi chấp hành án, thời gian vợ chồng chung sống bên nhau không nhiều. Khi anh D chấp hành án xong trở về chung sống cùng chị H thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, chị H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài và kiên quyết xin ly hôn anh D. Tại lời khai của bà Đinh Thị Liên là mẹ đẻ anh D cũng xác định nguyên nhân chị H bỏ nhà đi và xin ly hôn là do anh D có đánh bạc và cấm xe của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D là có xảy ra, mà nguyên nhân chủ yếu do anh D chơi bời, không chịu khó làm ăn nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn D là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con chung của chị H và anh D là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến nguyện vọng của con chung đủ 7 tuổi trở lên. Trong vụ án này, cháu H là con chung của chị H và anh D đã trên 7 tuổi, tại lời khai của cháu H thể hiện cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu. Vì vậy, cần giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 29/3/2012 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H có đơn yêu cầu ly hôn nên phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Quang H, sinh ngày 29/3/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001776 ngày 02 tháng 6 năm 2021.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh D. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Văn Phú, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình (Nơi thực hiện ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích